

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 16/01/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Quốc Thịnh

- Ông Đinh Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 đến ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 83/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Khắc L, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: 33/3 CT, phường TB, quận HC, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lê Minh K, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: 143 LHP, phường PH, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. Ông Huỳnh Công T, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: 123 NHH, phường TL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số công chứng 7393, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2022 tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, địa chỉ: 85 Yersin, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Doãn Thị Ngọc L, sinh năm: 1992 và ông Hoàng Văn N, sinh năm: 1991; Cùng có hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố NA, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên hệ: 98 NBK, tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1982; Nơi cư

trú: Căn hộ 5.1 C/c 250 NTMK, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Theo Giấy ủy quyền số công chứng 2714, quyển số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Năm Được, địa chỉ: 438 Hùng Vương, tổ dân phố Hòa Tiến, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Đào Thị H, sinh năm: 1975; Hộ khẩu thường trú: 27/9A HG, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố MC, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Là chỗ quen biết lâu năm, ông Vũ Khắc L có cho vợ chồng ông Hoàng Văn N, bà Doãn Thị Ngọc L vay tiền nhiều lần trong khoảng đầu năm 2014 đến giữa năm 2017, ông L trực tiếp giao tiền cho ông N, bà L và yêu cầu vợ chồng ông N, bà L viết giấy vay, có vài lần không giao trực tiếp được, ông L cho người chuyển khoản tiền vay vào tài khoản 4701205119631 của bà Doãn Thị Ngọc L tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh N. Ngày 03/5/2017, ông L và ông N tính toán và viết lại giấy vay tiền với tổng số tiền vay là 29.860.000.000 đồng; xé bỏ các giấy vay trước đó, lãi suất 1%/tháng, vay 03 năm từ 03/5/2017 đến 03/5/2020, mục đích mua bán bất động sản.

Ông L đã nhiều lần gặp, yêu cầu ông N, bà L trả số nợ trên nhưng ông, bà cứ trì hoãn. Nay ông L khởi kiện yêu cầu bà Doãn Thị Ngọc L, ông Hoàng Văn N phải trả cho ông L toàn bộ số tiền gốc là 29.860.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông Vũ Khắc L chỉ căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 mà khởi kiện yêu cầu ông N, bà L có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền theo Giấy vay tiền ngày 03/5/2017. Giấy vay tiền chưa được xác định nội dung đúng, hợp pháp, chưa có chứng cứ chứng minh ông N, bà L vay tiền, nhận tiền. Ông L không có bất kỳ chứng từ nào thể hiện việc đã chuyển tiền cho ông N, bà L mượn tiền; không có bất kỳ một giấy tờ nào thể hiện ông N, bà L đã ký nhận tiền của ông L (lưu ý là chuyển tiền, giao nhận tiền với nội dung là vay mượn). Ông N, bà L và ông L không có mối quan hệ thân tình hay quan hệ xã hội nào thể hiện sự gắn bó, thì làm sao ông L lại cho ông N, bà L vay số tiền lớn như vậy?

Khoản tiền 29.860.000.000 đồng ông L yêu cầu ông N, bà L trả là một khoản tiền rất lớn, ông L lấy nguồn tiền ở đâu để cho vay, tại sao ông L lại cho

ông N, bà L khi đó (năm 2017) còn rất trẻ, mới xây dựng gia đình, chưa có công ăn việc làm ổn định, chưa có tài sản gì đáng giá, thì lấy đâu sự tin tưởng, lấy gì thể chấp để ông L cho họ vay một khoản tiền lớn như vậy?

Đồng thời trong số tiền 29.860.000.000 đồng này thì có một khoản tiền mà ông L cho rằng ông N và bà L vay mượn thì trước đây ông L cũng đã từng tố cáo bà Nguyễn Thị H mượn, chiếm đoạt tài sản của ông L, vụ việc đã được Công an tỉnh Khánh Hòa xác minh và trả lời ông L là bà H không vay mượn, không chiếm đoạt của ông L. Nay ông Lâm lại cho rằng khoản tiền này ông Nga, bà Linh vay mượn, quả là vô lý. Cùng một khoản tiền mà khi thì cho rằng bà H vay, chiếm đoạt, khi thì cho rằng ông N, bà L vay?

Về tố tụng thì bị đơn có ý kiến như sau:

Tòa án chưa gửi Thông báo thụ lý cho bị đơn, chưa triệu tập làm việc, chưa lấy ý kiến, chưa xác minh toàn diện vụ án mà ban hành nhiều Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là không có cơ sở theo quy định của pháp luật.

Việc ông L cung cấp Giấy vay tiền ngày 03/5/2017 là không đúng, là giả tạo. Giấy vay tiền này có nhiều điểm nghi vấn, cần giám định hoặc Tòa án phải trưng cầu giám định.

Đồng thời Tòa án cần xác minh làm rõ: thời điểm ghi Giấy vay tiền ngày 03/5/2017 có thể hiện nơi cư trú của ông N, bà L là NA, CN, CR, tuy nhiên thời điểm này họ chưa chuyển về CN sinh sống mà đến tháng 12/2018 thì ông N, bà L mới về NA, CN sinh sống và lập nghiệp.

Trong Giấy vay tiền ngày 03/5/2017, không có chữ ký của bà L, bà L cũng không ký nhận bất kỳ khoản tiền vay mượn nào của ông L, ông L cũng không chuyển khoản cho bà L bất kỳ khoản tiền vay mượn nào, tại sao Tòa án lại xác định bà L là bị đơn trong vụ án?

Giấy vay tiền ngày 03/5/2017, ông L cung cấp cho Tòa án là giấy tờ viết tay, bị đơn khẳng định rằng chữ viết tay này không phải chữ của ông L, cũng không phải chữ của ông N, vậy ai đã viết ra Giấy vay tiền này, đề nghị Tòa án yêu cầu ông L làm rõ là ai đã viết Giấy vay tiền này và khi đã xác định được người đã viết tay Giấy vay tiền ngày 03/5/2017 thì Tòa án cần phải đưa người này tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

Từ những nội dung trên, bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thậm chí nguyên đơn còn tạo ra chứng cứ giả để đi kiện bị đơn, họ xem Tòa án như là nơi để nguyên đơn hợp thức một sự việc không có trở thành có.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời trình bày bổ sung như sau:

Về tố tụng:

- Bà Doãn Thị Ngọc L không phải là bị đơn mà chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn đã làm đơn xin sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án vào ngày 05/12/2022 nhưng Tòa án chỉ cho sao chụp một phần (44 tài liệu) là không thỏa đáng. Trong số các tài liệu theo danh mục này có một số tài liệu chưa được công khai theo thủ tục tố tụng thông qua phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn cũng chưa nhận được quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/12/2022.

- Bị đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, tuy nhiên Tòa án chỉ trưng cầu giám định đến Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa là không đúng với yêu cầu của bị đơn. Sau khi có kết quả giám định, Tòa án không gửi cho bị đơn mà chỉ gửi thông báo kết luận giám định, như vậy đại diện bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền của mình.

- Về thủ tục đối chất, Tòa án chỉ tiến hành đối chất giữa đại diện bị đơn và đại diện của nguyên đơn là không đúng theo Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì những người này không biết bản chất của vụ án.

- Tòa án chưa triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người thực hiện một số giao dịch giao, nhận tiền với ông Vũ Khắc L để lấy lời khai, làm rõ việc giao nhận tiền; chưa lấy ý kiến của bà Ngô Thị L là vợ của ông Vũ Khắc L về khoản tiền ông L cho vay.

Về nội dung giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 thì bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền có thể đúng là chữ viết, chữ ký của ông Hoàng Văn N. Tuy nhiên, đây là chữ viết, chữ ký không (tức ký trước) trên giấy trắng của ông N mục đích để tiện tiến hành các thủ tục cần thiết khi ông N làm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và Xây dựng ĐC (ông N chỉ đứng tên theo yêu cầu của người khác, trong đó có ông L), thực chất ông L là người điều hành khai thác mỏ cát tại xã CTĐ của Công ty. Ông L đã lấy một trong các tờ giấy A4 mà ông N ký không để viết ra giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 chứ hoàn toàn không có giao dịch vay tiền như nguyên đơn trình bày.

Ngoài ra, ông N và bà L đăng ký kết hôn từ 17/4/2016 nên không thể cùng chịu trách nhiệm đối với khoản nợ từ năm 2014 đến 2016 theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Số tiền bà Linh đã nhận theo ủy nhiệm chi do nguyên đơn cung cấp là 1.750.000.000 đồng là tiền bà L đã chuyển cho ông L trước đó theo thống kê của bị đơn là 1.740.000.000 đồng nên ông L chuyển trả lại chứ không phải là tiền bà L vay từ ông L.

Người làm chứng bà Đào Thị H trình bày: Bà H là nhân viên của ông Vũ Khắc L, thường xuyên được ông L giao nhiệm vụ nộp tiền tại ngân hàng theo lệnh của ông L. Trong những người được ông L đưa tiền để bà đi nộp vào tài

khoản bà nhớ có tên Doãn Thị Ngọc L. Số tiền đó không liên quan đến cá nhân bà và bà cũng không có liên quan đến những người được ông L đưa số tài khoản để chuyển tiền.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Thẩm phán thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như chưa tổng đạt thông báo thụ lý, chưa tổng đạt các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho bị đơn Hoàng Văn Nga.

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Một số nội dung của vụ án chưa được làm rõ, cụ thể:

+ Chưa làm rõ việc giao nhận số tiền vay 29.860.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 cụ thể thời gian, địa điểm, số tiền mỗi lần vay là bao nhiêu và người trực tiếp giao, nhận tiền là ai.

+ Chưa làm rõ số tiền lãi và lãi suất nguyên đơn đã nhận? Bị đơn đã trả bao nhiêu tiền gốc, lãi?

+ Chưa lấy lời khai và đưa những người chuyển tiền, nhận tiền vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị M, Vũ Thị Lan N, Đào Thị H, Phạm Thị Huyền T, Vũ Thị H và Đỗ Mạnh K để làm rõ việc chuyển, nhận tiền giữa các bên là tiền của ai chuyển cho ai, mục đích chuyển tiền để làm gì?

+ Chưa xác định được mối quan hệ làm ăn giữa ông L và bà H từ đó xác định mục đích nhận tiền của bà L có phải là nhận thay bà H hay không?

Từ những vấn đề trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự để tạm ngừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền vay, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên việc Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

- Nguyên đơn khởi kiện đối với ông Hoàng Văn N và bà Doãn Thị Ngọc L, yêu cầu ông N, bà L phải trả số tiền đã vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều

68 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là ông Hoàng Văn N và bà Doãn Thị Ngọc L là đúng.

- Theo tài liệu là 02 Ủy nhiệm chi ngày 21 và 22 tháng 11 năm 2016 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có đơn vị trả tiền là bà Đào Thị H, bà có lời khai số tiền đó không liên quan đến cá nhân bà, bà thực hiện việc chuyển tiền cho bà L là theo yêu cầu của ông L và bà không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử xác định bà H là người làm chứng trong vụ án.

- Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp một số giao dịch giao, chuyển tiền của các ông, bà Phạm Thị M, Vũ Thị Lan N, Đào Thị H, Phạm Thị Huyền T, Vũ Thị H và Đỗ Mạnh K cho ông Vũ Khắc L. Xem xét thời điểm thực hiện các giao dịch này được thực hiện từ ngày 26/4/2016 đến ngày 17/12/2016, tức là trước thời điểm các bên lập giấy vay tiền xác nhận nợ ngày 03/5/2017. Xét thấy hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn đã được xác nhận nợ theo Giấy vay tiền ngày 03/5/2017. Đồng thời, theo trình bày của bị đơn thì đây là số tiền 1.740.000.000 đồng mà bà L nhờ các ông bà nêu trên chuyển cho ông L vay sau đó ông L chuyển trả bằng các ủy nhiệm chi ngày 21 và 22/11/2022. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải lấy lời khai và đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về việc bị đơn yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án đã thu thập tài liệu có liên quan đến hồ sơ tố cáo của ông L tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh Khánh Hòa. Sau khi có tài liệu này, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng nhưng bà H vắng mặt. Trong hồ sơ tố cáo của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh Khánh Hòa cung cấp thể hiện ông L tố cáo bà H chiếm đoạt tiền và đã được hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự. Trong nội dung giấy vay tiền ngày 03/5/2017 cũng không thể hiện bà H có vai trò gì trong hợp đồng vay tiền giữa các bên nên Hội đồng xét xử xét thấy bà H không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

- Về việc bị đơn yêu cầu đưa bà Ngô Thị L, vợ ông Vũ Khắc L tham gia tố tụng thì thấy rằng, nguyên đơn đã cung cấp văn bản ý kiến của bà L trình bày không có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu gì nên việc đưa bà L tham gia tố tụng là không cần thiết.

[1.3] Về các thủ tục tố tụng khác:

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án và các quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời cho bị đơn do bà Doãn Thị Ngọc L nhận thay ông Hoàng Văn N theo quy định của khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc bị đơn yêu cầu sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án: Theo quy định tại khoản 8 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chỉ được sao chụp tài liệu do nguyên đơn cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập. Do vậy, bị đơn yêu cầu sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án là không đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã nhiều lần thực hiện việc sao chụp tài liệu và cung cấp đầy đủ cho bị đơn theo quy định tại khoản 8 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về công bố công khai các tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2022 đã công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, phiên họp này, Tòa án tiến hành phiên đối chất, thu thập thêm chứng cứ để phục vụ công tác giám định. Tất cả những tài liệu, chứng cứ thu thập được, Tòa án đều có thông báo công khai cho tất cả đương sự để thực hiện quyền của mình và đã sao chụp toàn bộ gửi cho bị đơn (do bà Doãn Thị Ngọc L ký nhận) theo yêu cầu. Tại phiên tòa, các đương sự có giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ đều được Hội đồng xét xử công bố công khai và cung cấp bản sao cho các đương sự. Như vậy, mọi chứng cứ, tài liệu đều đã được công khai cho các đương sự tiếp cận theo quy định tại khoản 5 Điều 97 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục trưng cầu giám định: Theo hồ sơ vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017. Tuy nhiên, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn vì Tòa án nhận đơn yêu cầu trưng cầu giám định vào ngày 08/7/2022, trước thời điểm nhận đơn trưng cầu giám định của bị đơn là ngày 13/7/2022. Về việc bị đơn yêu cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định, Hội đồng xét xử thấy rằng Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đều có năng lực đầy đủ thực hiện yêu cầu giám định. Mặt khác, sau khi có kết luận giám định thì phía bị đơn cũng đã thừa nhận chữ viết của mình trên tài liệu cần giám định nên cơ quan nào thực hiện giám định cũng không làm thay đổi bản chất vụ án.

- Về thủ tục đối chất: Theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án đã ra quyết định đối chất theo Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc các đương sự không trực tiếp tham gia đối chất mà thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền là quyền của họ theo quy định tại khoản 1 Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh và bị đơn đều có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, tài liệu chứng cứ đã được đương sự cung cấp và Tòa án thu thập đầy đủ cho việc giải quyết vụ án nên không có căn cứ cho việc tạm ngừng phiên tòa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đánh giá tài liệu chứng cứ là Giấy vay tiền lập ngày 03/5/2017 do nguyên đơn cung cấp:

[2.1.1] Về tính xác thực của Giấy vay tiền lập ngày 03/5/2017: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng tài liệu này là giả mạo và không ký trên giấy vay tiền này. Cả hai đương sự yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Văn N và yêu cầu giám định tuổi của màu mực và cung cấp các mẫu chữ ký, chữ viết so sánh trên các tài liệu cũng như yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết so sánh. Theo yêu cầu của đương sự, Tòa

án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 08/2022/QĐ-TCGD ngày 13/7/2022. Ngày 23/8/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa có Kết luận giám định số 344/GĐ-GT/2022/KL-KTHS, kết luận: *Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Hoàng Văn N” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không; chữ viết họ tên “Hoàng Văn N” so với chữ viết mang tên “Hoàng Văn N” trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra; từ chối giám định thời gian thiết lập các nội dung phía trên chữ ký, chữ viết họ tên “Hoàng Văn N” do Phòng Kỹ thuật hình sự chưa giám định được nội dung này.*

Sau đó, Tòa án tiếp tục thu thập thêm mẫu chữ ký, chữ viết so sánh và ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 12/2022/QĐ-TCGD ngày 21/10/2022. Ngày 04/11/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa đã ra kết luận giám định số 438/GĐ-GT/2022/KL-KTHS như sau: *Chữ ký mang tên “Hoàng Văn N” trên giấy vay tiền ngày 03/5/2017 so với chữ ký mang tên “Hoàng Văn N” trên các tài liệu mẫu so sánh M6 và M8 là do cùng một người ký ra; chữ viết họ tên “Hoàng Văn N” so với chữ viết mang tên “Hoàng Văn N” trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.* Đặc biệt tài liệu mang ký hiệu M6 và M8 chính là tài liệu do bị đơn cung cấp cho Tòa án để phục vụ yêu cầu giám định.

Đối với yêu cầu giám định tuổi của màu mực hay thời gian thiết lập các nội dung trên giấy vay tiền, sau khi Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa từ chối giám định nội dung này, Tòa án đã có công văn số 204/TA ngày 23/8/2022 đề nghị Viện Khoa học hình sự - Bộ công an trả lời về việc hiện nay có chức năng và điều kiện giám định thời gian thiết lập màu mực trên tài liệu hay không. Trong công văn trả lời số 2557/C09-P5 ngày 15 tháng 9 năm 2022, Viện khoa học hình sự - Bộ công an trả lời về việc Viện chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời gian thiết lập màu mực trên tài liệu.

Tại phiên tòa, phía bị đơn xác nhận ông Hoàng Văn N đã ký và viết trên giấy vay tiền này nhưng là ký không, tức là ký trên tờ giấy trắng chưa có các nội dung phía trên để nhằm mục đích tiến hành các thủ tục cần thiết khi ông N làm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ và Xây dựng ĐC (ông N đứng tên theo yêu cầu của người khác trong đó có ông L). Tuy nhiên bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc ký không cũng đứng tên thay người khác đại diện công ty nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai này.

Ngoài ra, bị đơn còn yêu cầu giám định ai là người đã viết nội dung trên giấy vay tiền, phía nguyên đơn đã xác định ông Vũ Khắc L là người đã viết các nội dung này nên không cần thiết phải trưng cầu giám định.

Như vậy, qua việc trưng cầu giám định và xác nhận của bị đơn nêu trên đã cho thấy Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 là tài liệu xác thực, ông Hoàng Văn N là người trực tiếp ký và viết họ tên trên giấy vay tiền này.

[2.1.2] Về nội dung Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 có nêu:

“Hôm nay tôi và anh N, chị L cùng nhau thống nhất lập giấy này để hai bên xác nhận cho đến ngày mừng 03/5/2017 anh N và chị L đã vay của tôi tổng số tiền là: 29.860.000.000 đồng (hai mươi chín tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Lãi suất 1%/tháng. Nay tôi tiếp tục cho vợ chồng anh N, chị L vay tiền, thời hạn là 03 năm kể từ ngày 03/5/2017 đến ngày 03/5/2020.

Mục đích vay để vợ chồng anh N, chị L kinh doanh mua bán đất, nếu quá thời hạn trên thì vợ chồng anh N, chị L không thanh toán tiền cho tôi (thanh toán trả lại cho tôi tất cả số tiền trên). Thì vợ chồng anh N, chị L sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật.”

Nội dung giấy vay tiền này đã thể hiện việc các bên xác nhận số nợ mà bị đơn đã vay (đã nhận) của nguyên đơn trước đó, tính đến ngày 03/5/2017 là 29.860.000.000 đồng. Lời khai của nguyên đơn về việc trước đó đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền từ khoảng đầu năm 2014 đến giữa năm 2017 sau đó đến ngày 03/5/2017 chốt nợ vay là phù hợp với nội dung giấy vay tiền. Chính vì sự xác nhận nợ thể hiện trên giấy vay tiền nên Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu nguyên đơn chứng minh việc giao tiền cụ thể từng lần, số tiền, thời gian, địa điểm và ai là người giao, nhận tiền là không cần thiết.

Về mục đích sử dụng số tiền vay, nguồn gốc số tiền cho vay không nằm trong trách nhiệm chứng minh của nguyên đơn và cũng không phải là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng vay theo quy định của Bộ luật dân sự.

Việc bị đơn có thực tế cư trú tại địa chỉ nêu trên giấy vay tiền tại thời điểm thiết lập giấy vay tiền hay không thì Hội đồng xét xử thấy rằng đây cũng chỉ là thông tin xác định nhân thân của người vay tiền, không làm ảnh hưởng đến nội dung hợp đồng vay.

Về trách nhiệm của bà Doãn Thị Ngọc L trong việc thực hiện giao dịch vay tiền theo yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Theo tài liệu Giấy chứng nhận kết hôn do bị đơn cung cấp thể hiện ông N và bà L kết hôn vào ngày 17/4/2016, tức là trước thời điểm thiết lập giấy vay tiền. Ông Hoàng Văn N, chồng bà L đã ký xác nhận trách nhiệm của vợ chồng trong việc thực hiện hợp đồng vay với ông Vũ Khắc L. Ngoài ra, theo 02 ủy nhiệm chi ngày 21/11/2016 và 22/11/2016 thể hiện bà L có nhận tiền từ ông Vũ Khắc L. Đặc biệt, trong các tài liệu do bị đơn cung cấp từ 26/04/2016 đến ngày 17/12/2016 (sau ngày kết hôn) thể hiện bà L cũng nhiều lần thực hiện giao dịch chuyển, giao tiền cho ông L. Như vậy, giữa ông L, bà L và ông N đã có nhiều lần giao dịch liên quan đến vay, mượn tiền; các bên có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Nên việc ông N ký xác nhận nợ, xác định trách nhiệm của vợ chồng trong giao dịch vay tiền đối với ông Vũ Khắc L là hoàn toàn phù hợp, trách nhiệm trả tiền vay cho ông L là trách nhiệm chung của vợ chồng ông N, bà L.

Bị đơn cho rằng không có mối quan hệ gì với ông L, nhưng lại khai rằng ông N đứng tên làm giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ và Xây dựng ĐC theo yêu cầu của người khác trong đó có ông L và cung cấp nhiều tài

liệu chứng cứ thể hiện các bên có nhiều giao dịch qua lại là hoàn toàn mâu thuẫn.

Từ những lập luận và chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xác định ông Vũ Khắc L có cho ông Hoàng Văn N và bà Doãn Thị Ngọc L vay số tiền 29.860.000.000 đồng (hai mươi chín tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Về thời hạn vay các bên thỏa thuận đến 03/5/2020. Đến thời hạn 03/5/2020, bị đơn không trả nợ, vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn có quyền khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả nợ đã vay là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: theo thỏa thuận trong giấy vay tiền, các bên thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp. Tuy nhiên, đối với khoản tiền vay nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.2] Về các biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã ra 03 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gồm có:

- Quyết định số 05/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/5/2022 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 04, tại thôn VĐ, xã CAN, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1499.5m² – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ phát hành DĐ 606201, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp cho chủ sử dụng đất Hoàng Văn N ngày 08/10/2021.

- Quyết định số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” quy định tại khoản 10 Điều 114 và Điều 124 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể:

Phong tỏa tài khoản ngân hàng sau đây:

Chủ tài khoản : Doãn Thị Ngọc L

Số tài khoản : XXXXXXXXX

Tên ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

- Quyết định số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể:

- + Phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 39, tại thôn TT, xã CHĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1418.2m² – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ phát hành DĐ 958707, sổ vào sổ CS 01943, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/01/2022 cho ông Hoàng Văn N.

- + Phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 49, tại thôn TT, xã CHĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 107.1m² – Theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành DE 732222, do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 25/3/2022 cho ông Hoàng Văn N.

Xét thấy các biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên cần tiếp tục giữ nguyên để đảm bảo cho việc thi hành án. Đồng thời cần giữ nguyên việc phong tỏa tài khoản số XXXXX chủ tài khoản Vũ Khắc L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số tiền phong tỏa 550.000.000 đồng theo các quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 06/2022/QĐ-BPĐB ngày 18/5/2022 và số 05/2022/QĐ-BPĐB ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp số tiền 13.700.000 đồng, và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Hoàng Văn N, bà Doãn Thị Ngọc L phải trả cho ông Vũ Khắc L số tiền nợ theo Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2017 là 29.860.000.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Giữ nguyên các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022, 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022, 05/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số XXXXX chủ tài khoản Vũ Khắc L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số tiền phong tỏa 550.000.000 đồng theo các quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 06/2022/QĐ-BPĐB ngày 18/5/2022 và số 05/2022/QĐ-BPĐB ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Án phí:

- Ông Hoàng Văn N, bà Doãn Thị Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 137.860.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Hoàn lại cho ông Vũ Khắc L tạm ứng án phí là 68.930.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006954 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C

4. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiếu